

Bản án số: 661/2023/DS-ST

Ngày: 24-11-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hồng Hải

2. Ông Nguyễn Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 251/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 646/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 537/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 676/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thanh X – sinh năm 1990

Địa chỉ: 261 đường K, phường C, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ T – sinh năm 1983

Địa chỉ: 108/65K đường Q, Phường M quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Phạm Việt P – sinh năm 1982

Địa chỉ: 108/65K đường Q, Phường M quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bà Lưu Thị Thu Th – sinh năm 1985

Địa chỉ: 6/26A Đường số 6, phường L, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 07/4/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – bà Huỳnh Thanh X (sau đây gọi là Nguyên đơn) trình bày: Ngày 09/11/2019, Nguyên đơn có cho bà Lê Thị Mỹ T (sau đây gọi là Bị đơn) vay 50.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 09/11/2019 đến ngày 09/02/2020. Ngày 26/8/2020, Nguyên đơn cho Bị đơn vay 150.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 26/8/2020 đến ngày 26/02/2021, 02 lần cho vay này Bị đơn có viết Hợp đồng vay tiền cho Nguyên đơn.

Ngày 09/11/2019, Nguyên đơn chuyển khoản cho Bị đơn vay 28.000.000đ và ngày 27/11/2019 Nguyên đơn chuyển khoản cho Bị đơn vay 45.000.000đ. Ngoài ra, Nguyên đơn có chuyển cho Bị đơn vay 20.000.000đ qua zalopay 2 lần, mỗi lần 10.000.000đ vào ngày 06/02/2020 và ngày 07/02/2020.

Bà Lưu Thị Thu Thảo là bạn của Nguyên đơn nên Nguyên đơn có nhờ bà Thảo chuyển khoản cho Bị đơn vay 03 lần tiền, ngày 06/02/2020 chuyển 20.000.000đ, ngày 21/02/2020 chuyển 63.000.000đ và ngày 17/03/2020 chuyển 20.000.000đ. Bị đơn còn có tên gọi khác là Vy nên trong nội dung chuyển tiền một số lần Nguyên đơn và bà Thảo có ghi là chuyển cho Vy vay. Do Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn và chồng là ông Phạm Việt Phương phải thanh toán cho Nguyên đơn 396.000.000đ nợ gốc và tiền lãi từ ngày 09/11/2019, tạm tính đến ngày 15/3/2023 là 40 tháng x lãi suất 20%/năm là 264.000.000đ. Tổng gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/3/2023 là 660.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Phạm Việt P trình bày: Ông và Bị đơn là vợ chồng từ năm 2010, đến năm 2018 thì ly thân, ngày 15/11/2022 thì ly hôn theo Quyết định số 1054/2022/QĐST-HNGĐ của TAND quận Tân Bình. Trong thời gian ly thân ông và Bị đơn không có bất kỳ việc gì chung, ông không biết và không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa Nguyên đơn, Bị đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho Bị đơn, bà T theo đúng thủ tục tố tụng nhưng Bị đơn, bà T không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông P, bà T vắng mặt.

Nguyên đơn – bà Huỳnh Thanh X trình bày: Do là bạn bè tin tưởng nhau nên Nguyên đơn đã cho Bị đơn vay nhiều lần tiền và nhiều lần yêu cầu Bị đơn trả tiền nhưng Bị đơn không trả. Nay Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải trả 273.000.000đ nợ gốc của khoản vay 50.000.000đ ngày 09/11/2019, 150.000.000đ của khoản vay ngày 26/8/2020, 28.000.000đ chuyển khoản ngày 09/11/2019 và 45.000.000đ chuyển khoản ngày 27/11/2019. Đối với khoản vay 50.000.000đ và 150.000.000đ Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi từ khi hết thời hạn vay cho đến khi trả hết nợ, đối với 02 khoản vay chuyển khoản thì Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi kể từ khi hết thời hạn thanh toán theo thư đòi nợ, lãi là 10%/năm. Nguyên đơn xin được rút lại yêu cầu đối với khoản vay 20.000.000đ Nguyên đơn chuyển cho Bị đơn vay qua zalopay và 103.000.000đ Nguyên đơn cho Bị đơn vay thông qua bà T. Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu ông Phạm Việt P phải liên đới chịu trách nhiệm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với Bị đơn do Bị đơn cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của Nguyên đơn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông P có đơn xin vắng mặt; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn, ông P, bà T theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn phải trả 200.000.000đ nợ gốc theo Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2019, ngày 26/8/2020 và tiền lãi 10%/năm từ khi hết thời hạn vay cho đến khi trả hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 09/11/2019 thể hiện Nguyên đơn đã cho Bị đơn vay 50.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 09/11/2019 đến ngày 09/02/2020, mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của pháp luật tại thời điểm cho vay. Bị đơn đã ký ghi rõ họ tên và xác nhận đã nhận đủ tiền.

Căn cứ Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 26/8/2020 thể hiện Nguyên đơn cho Bị đơn vay 150.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 26/8/2020 đến ngày 26/02/2021, mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của pháp luật tại thời điểm cho vay. Bị đơn đã ký ghi rõ họ tên và xác nhận đã nhận đủ tiền.

Căn cứ quy định về nghĩa vụ của bên cho vay tại Khoản 1 Điều 465 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Nguyên đơn đã chứng minh được việc đã giao đầy đủ 200.000.000đ cho Bị đơn. Đến nay Bị đơn chưa trả tiền cho Nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả 200.000.000đ nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi: Tại 02 Hợp đồng vay tiền nêu trên thể hiện các bên đã không xác định rõ lãi suất.

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì được xác định bằng 50% mức lãi xuất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”.

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

Căn cứ quy định của pháp luật nêu trên thì mức lãi suất được áp dụng là 10%/năm. Do đó, yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi 10%/năm của Nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Khoản 50.000.000đ tiền lãi được tính từ sau ngày hết hạn vay là ngày 10/02/2020 đến ngày 24/11/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 45 tháng 14 ngày: $50.000.000đ \times 10\%/năm \times 45 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 18.944.402đ$

Khoản 150.000.000đ tiền lãi được tính từ sau ngày hết hạn vay là ngày 27/02/2021 đến ngày 24/11/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 32 tháng 27 ngày: $150.000.000đ \times 10\%/năm \times 32 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 41.125.009đ$

Tổng gốc và lãi của 02 khoản vay là: $200.000.000đ + 18.944.402đ + 41.125.009đ = 260.069.411đ$.

[5] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn phải trả 73.000.000đ nợ gốc đã nhận chuyển khoản ngày 09/11/2019, ngày 27/11/2019 và tiền lãi 10%/năm từ khi hết thời hạn thông báo thu hồi nợ cho đến khi trả hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Bảng chi tiết giao dịch tài khoản do Ngân hàng TMCP Sài Gòn cung cấp cho Tòa án thể hiện chủ tài khoản số 13539040001 là bà Lê Thị Mỹ Trinh; Địa chỉ: 108/65K Trần Văn Quang, Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 09/11/2021 tài khoản này có nhận chuyển khoản của Nguyên đơn số tiền 28.000.000đ với nội dung “Xuân chuyển cho Trinh vay” và ngày 27/11/2019 có nhận chuyển khoản của Nguyên đơn số tiền 45.000.000đ với nội dung “Xuân chuyển tiền cho Trinh vay”.

Việc cho vay này không có thỏa thuận về thời hạn cho vay và lãi suất nên căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015: “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Căn cứ Thư thông báo về việc yêu cầu nợ ngày 07/4/2023 của Nguyên đơn gửi Bị đơn thể hiện Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trong vòng 15 ngày kể từ ngày 07/4/2023 đến ngày 22/4/2023 phải trả toàn bộ khoản vay cho Nguyên đơn.

Căn cứ quy định về nghĩa vụ của bên cho vay tại Khoản 1 Điều 465 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Nguyên đơn đã chứng minh được việc cho Bị đơn mượn 73.000.000đ. Đến nay Bị đơn chưa trả tiền cho Nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả 73.000.000đ nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015: “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”. Và căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức lãi suất áp dụng theo các quy định trên là 10%/năm. Do đó, yêu cầu Bị đơn phải trả lãi 10%/năm đối với khoản vay này của Nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Tiền lãi được tính cụ thể như sau: Từ ngày 23/4/2023 đến ngày 24/11/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 7 tháng 1 ngày: $73.000.000đ \times 10\%/năm \times 7 \text{ tháng } 1 \text{ ngày} = 4.278.609đ$.

Tổng cộng gốc và lãi của khoản vay này là: $73.000.000đ + 4.278.609đ = 77.278.609đ$.

[6] Như vậy, tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 24/11/2023 Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn là: $260.069.411đ + 77.278.609đ = 337.348.020đ$.

[7] Xét yêu cầu rút yêu cầu Bị đơn phải trả 20.000.000đ Nguyên đơn cho vay qua zalopay và 103.000.000đ Nguyên đơn cho Bị đơn vay thông qua bà Thảo của Nguyên đơn.

Xét thấy: Việc rút yêu cầu của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217, Khoản 3 Điều 218; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này, trả lại Nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về việc yêu cầu cá nhân Bị đơn phải trả tiền của Nguyên đơn:

Tại Đơn khởi kiện ngày 07/4/2023 Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn cùng chồng là ông Phạm Việt Phương cùng có trách nhiệm trả nợ cho Nguyên đơn. Tại phiên tòa Nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân Bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu ông Phương liên đới chịu trách nhiệm trả nợ.

Xét thấy: 02 khoản vay ngày 09/11/2019, ngày 26/8/2020 chỉ có Bị đơn ký nhận vay tiền; 02 khoản vay ngày 09/11/2019 và ngày 27/11/2019 Nguyên đơn gửi trực tiếp vào tài khoản cá nhân của Bị đơn nên yêu cầu này của Nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[10] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, trả lại Nguyên đơn 15.200.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Bị đơn phải chịu 16.867.401đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm c Khoản 2 Điều 217; Khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều

147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 357; Điều 463; Khoản 1 Điều 465; Điều 466; Điều 468; Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Huỳnh Thanh X.

1.1 Buộc bà Lê Thị Mỹ T có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thanh X 337.348.020đ (Ba trăm ba mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn không trăm hai mươi đồng), bao gồm: 273.000.000đ nợ gốc và 64.348.020đ nợ lãi.

1.2 Đình chỉ yêu cầu của bà Huỳnh Thanh X về việc yêu cầu bà Lê Thị Mỹ T phải trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) vay qua zalopay và 103.000.000đ (Một trăm linh ba triệu đồng) vay thông qua bà Lưu Thị Thu T.

2/ Về thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thanh toán: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

5/ Kể từ ngày bà Huỳnh Thanh X có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Mỹ T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6/ Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ T phải chịu 16.867.401đ (Mười sáu triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn bốn trăm linh một đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Huỳnh Thanh X 15.200.000đ (Mười lăm triệu hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0023002 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

8/ Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thanh X có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Mỹ T, ông Phạm Việt P, bà Lưu Thị Thu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

9/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương